TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THUẬN NAM
TỈNH NINH THUẬN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 06/2022/HNGĐ-ST
Ngày 18 - 4 - 2022.
V/v "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THUẬN NAM, TỈNH NINH THUẬN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Nguyễn Thị Thức
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Nguyễn Báu
2. Bà Bùi Thị Thanh Yên

Thư ký phiên Tòa: ông Nguyễn Quốc Tâm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thuận Nam, tỉnh Ninh Thuận.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Thuận Nam tham gia phiên tòa: bà Hồ Thị Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thuận Nam, tỉnh Ninh Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 63/2021/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 5 năm 2021, về việc: *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 3 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số: 01/2022/QĐST-DS ngày 23/3/2022 và Thông báo dời thời gian xét xử số 54/TB-TA ngày 06/4/2022, giữa các đương sự:

1/ Nguyên đơn: bà Võ Huỳnh Nhật H - sinh năm 1976 (yêu cầu vắng mặt);
Địa chỉ: khu phố T, thị trấn P, huyện T, tỉnh Bình Thuận.
2/ Bị đơn: ông Trần Kỳ T - sinh năm 1972 (vắng mặt);
Địa chỉ: thôn N, xã P, huyện T, tỉnh Ninh Thuận.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 26/4/2021, lời khai trong hồ sơ, nguyên đơn bà Võ Huỳnh Nhật H trình bày: Bà và ông Trần Kỳ T tự nguyện tìm hiểu và tiến đến chung sống từ năm 2003, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn P, huyện T, tỉnh Bình Thuận vào năm 2008, theo Giấy chứng nhận kết hôn số 02/2008 ngày 10/11/2008. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2016 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân xuất phát từ việc làm ăn thất bại dẫn đến vợ chồng không đồng nhất quan điểm, thường xuyên xảy ra cãi vã rồi sống ly thân nhau đã hơn 1 năm. Trong thời gian sống ly thân, vợ chồng nhiều lần hòa giải, hàn gắn nhưng đều không có kết quả. Đến nay, bà khẳng định vợ chồng không thể hàn gắn để tiếp tục chung sống hạnh phúc nên yêu cầu giải quyết ly hôn ông T.

Về con chung: Vợ chồng chung sống có 04 người con chung gồm: Trần Khánh H - sinh ngày 01/01/2006, Trần Văn K - sinh ngày 29/10/2008, Trần Văn M - sinh ngày 06/4/2011 và Trần Khánh N - sinh ngày 04/5/2015; hiện bà đang nuôi dưỡng

cháu H và cháu N, ông T đang nuôi dưỡng cháu K và cháu M. Bà cho rằng, trong thời gian ông T nuôi con không quan tâm đến các con nên nhiều lần bà phải chạy từ thị trấn P ra xã P để chăm sóc, vì vậy bà yêu cầu nuôi 04 người con và yêu cầu ông T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi cháu 3.000.000đ/tháng cho đến khi đủ 18 tuổi. Tại biên bản lấy lời khai ngày 07/3/2022, bà yêu cầu giải quyết theo quy định pháp luật.

Về tài sản chung, nợ chung: vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

Về ý kiến bị đơn: ông T không có văn bản nêu ý kiến, không đến Tòa án theo Giấy triệu tập nên Tòa án không thể thu thập lời khai của ông T.

Trong phần tranh luận, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thuận Nam phát biểu ý kiến: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà H được ly hôn ông T. Căn cứ nguyện vọng của các con Trần Khánh H, Trần Văn K, Trần Văn M muốn được sống với mẹ; riêng cháu Trần Khánh N chưa đủ tuổi để lấy ý kiến nhưng từ khi vợ chồng sống ly thân, bà H là người trực tiếp nuôi dưỡng; vì vậy chấp nhận yêu cầu của bà H được quyền nuôi 04 người con chung và buộc ông T phải cấp dưỡng nuôi con mỗi cháu 2.000.000đ/tháng kể từ tháng 5/2022 đến khi các con đủ 18 tuổi, lao động được. Bà H và ông T phải chịu án phí theo quy định tại điều 147 BLTTDS.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Thủ tục tố tụng:

- *Sự vắng mặt của đương sự:* ông Trần Kỳ T đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt; bà H có đơn xin vắng mặt. Căn cứ điểm b khoản 2 điều 227, khoản 1 điều 228 BLTTDS Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

- *Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết:* Căn cứ đơn khởi kiện của bà Võ Huỳnh Nhật H yêu cầu ly hôn ông Trần Kỳ T trú tại thôn N, xã P, huyện T, tỉnh Ninh Thuận và giải quyết cho bà được quyền nuôi con. Căn cứ khoản 1 điều 28, điểm a khoản 1 điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự, xác định yêu cầu khởi kiện của bà H thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thuận Nam. Căn cứ điều 195 BLTTDS, Tòa án tiến hành thụ lý vụ án và xác định quan hệ pháp luật *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"*.

[2]. Nội dung vụ án:

Bà Võ Huỳnh Nhật Hạnh khởi kiện yêu cầu giải quyết ly hôn ông Trần Kỳ T và yêu cầu được nuôi con trên cơ sở các chứng cứ: Giấy chứng nhận kết hôn số: 380 do UBND thị trấn P cấp ngày 10/11/2008, các Giấy khai sinh số: 97, 869, 242 và 287 và lời trình bày của bà H; Hội đồng xét xử thấy rằng, tại Công văn số 270/CV-CAX ngày 26/10/2021 của Công an xã P xác nhận ông Trần Kỳ T vẫn đang sinh sống tại thôn N xã P. Ngày 09/02/2022, Tòa án lập biên bản xác minh tại nơi ở của ông Trần Kỳ T và tiến hành giao Thông báo thụ lý vụ án về việc ly hôn giữa bà H với ông T cho gia đình ông T; ông T đã được gia đình thông báo nhưng không có văn bản nêu ý kiến và không đến Tòa án là tự tước bỏ quyền phản bác của mình được quy định tại khoản 3 điều 72 BLTTDS. Vì vậy, căn cứ khoản 2 điều 92 BLTTDS, xác định các chứng cứ bà H cung cấp là có thật được chấp nhận. Qua xem xét, đánh giá chứng cứ trên, khẳng định:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Căn cứ giấy chứng nhận kết hôn số: 380 ngày 10/11/2008 của UBND thị trấn P, huyện T, tỉnh Bình Thuận khẳng định hôn nhân giữa

bà H và ông T là hôn nhân hợp pháp.

- *Tình trạng hôn nhân:* Bà H và ông T có thời gian sống với nhau hạnh phúc (từ năm 2008 đến năm 2016). Tuy nhiên, do vợ chồng không thống nhất được quan điểm trong sinh hoạt và làm ăn nên mâu thuẫn xảy ra ngày càng gay gắt rồi sống ly thân. Trong thời gian hơn 1 năm sống ly thân, vợ chồng đã nhiều lần tự hàn gắn nhưng không đạt kết quả; điều đó cho thấy cuộc sống hôn nhân giữa bà H và ông T đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được; bà H yêu cầu ly hôn là có căn cứ chấp nhận.

- *Về con chung:* Căn cứ các Giấy khai sinh số: 97, 869, 242 và 287 do Ủy ban nhân dân xã P và UBND thị trấn P cấp, khẳng định: Vợ chồng bà H, ông T có 04 người con chung tên Trần Khánh H - sinh ngày 01/01/2006, Trần Văn K - sinh ngày 29/10/2008, Trần Văn M - sinh ngày 06/4/2011 và Trần Khánh N - sinh ngày 04/5/2015. Căn cứ các biên bản làm việc ngày 03/3/2022, ngày 09/3/2022 của Tòa án và Đơn trình bày của các con đều thể hiện nguyện vọng sống với mẹ, riêng cháu N chưa đủ tuổi để lấy ý kiến nhưng từ khi vợ chồng sống ly thân đến nay, bà H là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cũng đã ổn định về môi trường sống; vì vậy bà H yêu cầu được nuôi các con là phù hợp nên chấp nhận. Ông T không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con không ai có quyền cản trở.

Về yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, căn cứ khoản 2 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình, ông T không trực tiếp nuôi con phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Tuy nhiên, xét về mức cấp dưỡng nuôi con, căn cứ biên bản xác minh ngày 09/02/2022, UBND xã P xác nhận ông T đang chăn nuôi kinh doanh trang trại bò tại địa phương nên có đủ điều kiện cấp dưỡng mức nuôi con đảm bảo các chi phí thực tế như hiện nay; trên cơ sở đó, buộc ông T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000đ/cháu. Thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 5/2022 đến khi các con đủ 18 tuổi, lao động được.

- *Về tài sản chung và nợ chung:* bà H không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[3]. Án phí: Căn cứ điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội 14: Bà H phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn. Ông T phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm đối với nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

[4]. Xét thấy đề nghị của kiểm sát viên nêu trên là phù hợp quy định pháp luật nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 51, 56, 57, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 điều 28, điểm b khoản 2 điều 227, khoản 1 điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội 14.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Võ Huỳnh Nhật H và ông Trần Kỳ T.

2. Về trách nhiệm nuôi con: Chấp nhận yêu cầu của bà Võ Huỳnh Nhật H, giao bà H được quyền nuôi dưỡng 04 con chung gồm: Trần Khánh H - sinh ngày

01/01/2006, Trần Văn K - sinh ngày 29/10/2008, Trần Văn M - sinh ngày 06/4/2011 và Trần Khánh N - sinh ngày 04/5/2015.

Chấp nhận yêu cầu của bà H, buộc ông Trần Kỳ T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi người 2.000.000đ/tháng x 4 người = 8.000.000đ, kể từ tháng 5/2022 đến khi các con đủ 18 tuổi, lao động được.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật, bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án chậm trả số tiền nêu trên thì hàng tháng còn phải trả lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố, tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

3. Về án phí: Bà Võ Huỳnh Nhật H phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm 300.000đ, được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí là 300.000đ theo biên lai thu tiền số 0023682 ngày 05 tháng 5 năm 2021, của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thuận Nam.

Đương sự có mặt có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Ninh Thuận;
- VKSND huyện Thuận Nam;
- Chi cục THADS huyện Thuận Nam;
- UBND thị trấn P;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Nguyễn Thị Thức

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Hương **Nguyễn Thị Liên** **Nguyễn Thị Thức**